

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 732/2020/DS-ST

Ngày: 07-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe”.

**NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên;

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa : Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 365/2017/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-DS ngày 19/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2020/QĐST-DS ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QĐST-DS ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Linh Ngọc V, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 293 đường N, phường Phú Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc O – Đại diện theo Giấy ủy quyền ngày 26/4/2017 (Có mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số 146 đường P, Phường 4, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hữu D, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 358/2/13, đường C, Phường 10, Quận 3, TP Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2017; Các bản tự khai; Biên bản hòa giải; Biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Linh Ngọc V có bà Võ Thị Ngọc O – đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/12/2015 ông Linh Ngọc V và ông Lê Hữu D có ký Giấy bán xe (không công chứng) có nội dung: Ông D bán cho ông V chiếc xe Dawoo Matiz, biển số 52Z-1036 với giá 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Ông V đã giao đủ số tiền nêu trên cho ông D vào ngày 26/12/2015. Tuy nhiên, ông V chưa có bằng lái xe nên chưa nhận chiếc xe nêu trên từ ông D. Tại thời điểm ký giấy bán xe, ông V có biết việc chiếc xe nêu trên ông Lê Hữu D chưa đứng tên chủ sở hữu, ông V chỉ được xem Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Võ Văn Sơ. Do tin tưởng ông D nên ông V mới đồng ý ký giấy mua xe và giao tiền cho ông D.

Ông V đã giao toàn bộ số tiền mua bán xe là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) cho ông D. Tuy nhiên, ông V chưa được ông D bàn giao chiếc xe nêu trên. Sau khoảng 02 tháng kể từ ngày ký giấy bán xe, ông D yêu cầu ông V bàn giao giấy tờ xe bản chính và chìa khóa xe để ông D làm thủ tục sang tên từ chủ cũ sang cho ông D rồi kiếm người sang nhượng lại chiếc xe cho ông V. Sau đó, ông D đề nghị ông V đổi sang chiếc xe Fiat Albea biển số 51A-662.42 nhưng ông V không đồng ý. Ông V nhiều lần yêu cầu ông D bàn giao chiếc xe Dawoo Matiz, biển số 52Z-1036, nhưng ông D nhiều lần hẹn mà không thực hiện.

Nay chiếc xe mua bán ông V chưa nhận được và ông D nhiều lần hẹn giao xe nhưng không giao. Do đó, ông V yêu cầu: Chấm dứt hợp đồng mua bán và yêu cầu ông D có trách nhiệm trả lại cho ông V số tiền: 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các biên bản hòa giải, bản tự khai và bản giải trình bị đơn ông Lê Hữu D trình bày:

Tháng 12/2015, ông D và ông V có thực hiện việc mua bán chiếc xe hiệu Deawoo Matiz biển số 52Z -1036 với giá 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Nhiều lần, ông D đã yêu cầu ông V sang tên chiếc xe nhưng ông V không đồng ý vì muốn bán lại chiếc xe trên lấy lời.

Đến tháng 8/2016, chiếc xe nêu trên bán không được giá mà ông V muốn do đó ông V đề nghị được đổi sang chiếc xe Fiat Albea biển số 51A-662.42 đồng thời ông V đồng ý bù thêm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho ông D để lấy chiếc xe Fiat Albea.

Đến tháng 01/2017 chiếc xe Fiat Albea vẫn chưa bán được nên ông V đã tự ý kêu thợ sửa máy vào sửa chiếc xe Fiat và làm hư hộp điện và hệ thống máy lạnh. Ông D đã phải tham khảo hãng xe và báo giá tiền sửa chữa chiếc xe Fiat là 54.000.000 đồng (Năm mươi tư triệu đồng). Sau khi phát hiện ra chiếc xe trên hư nhiều nên ông V không đồng ý việc mua xe nữa và đòi lại số tiền mua bán xe.

Đối với yêu cầu của Nguyên đơn: Bị đơn không đồng ý chi phí này vì ông cho biết ông V phải hoàn trả cho bị đơn chi phí gửi giữ xe từ tháng 12/2015 đến tháng 4/2017, chi phí sửa xe, kiểm định, thay bình, phí đường bộ,... đối với chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z -1036 khoảng 25.450.000 đồng; Chi phí gửi xe từ tháng 8/2016 đến 4/2017 đối với chiếc xe Fiat biển số 51A-662.42 là 9.000.000 đồng; Chi phí đi sửa chữa chiếc xe Fiat biển số 51A-662.42 là 54.000.000 đồng. Sau khi trừ hết tất cả các chi phí trên, ông đồng ý trả lại cho ông V số tiền là 81.550.000 đồng.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông Linh Ngọc V có bà Võ Thị Ngọc O là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn - ông Lê Hữu D trả lại cho nguyên đơn - ông Linh Ngọc V số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Hữu D vắng mặt nên không có phần trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng thủ tục tổ tụng quy định. Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp về hợp đồng mua bán xe với bị đơn ông Lê Hữu D có địa chỉ tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bị đơn ông Lê Hữu D đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối bị đơn ông Lê Hữu D.

[2] Về luật nội dung áp dụng:

Xét hợp đồng mua bán xe giữa ông Linh Ngọc V và ông Lê Hữu D được xác lập và thực hiện trong thời gian Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên khi giải quyết tranh chấp cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Về các yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét lời khai thống nhất giữa ông Linh Ngọc V và bị ông Lê Hữu D trong quá trình giải quyết vụ án đủ cơ sở xác định: Ngày 26/12/2015 ông D và ông V có thực hiện giao dịch mua bán chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z – 1036 với giá 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) ghi nhận tại Giấy bán xe (không có công chứng, chứng thực). Đồng thời ông V và ông D đều xác nhận việc bên mua ông V đã thanh toán cho bên bán ông D số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Mặc dù ông V và ông D đưa ra nhiều lý do nhưng vẫn thống nhất tại nội dung hiện nay chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z – 1036 vẫn do ông D đang chiếm giữ.

Xét Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 26/12/2015 giữa ông Lê Hữu D và ông Võ Văn Sơ và bà Hồ Thị Bước, Giấy khai đăng ký xe ngày 02/2/2016 và giấy nộp thuế trước bạ ngày 02/02/2016 của ông Lê Hữu D đối với chiếc xe ô tô Dawoo Matiz biển số 52Z-1036 (Hồ sơ được trích lục tại Phòng Cảnh sát Giao thông đường bộ - Đường sắt) đủ cơ sở xác định tại thời điểm ngày 26/12/2015 (Ngày ký giấy mua bán xe giữa ông D và ông V) chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z-1036 vẫn do ông Võ Văn Sơ đứng tên chủ sở hữu.

Căn cứ điểm g, khoản 1 Điều 10 Thông tư 15/2014/TT-BCA ngày 4/4/2014 quy định: “ g) *Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có công chứng theo quy định của pháp luật về công chứng hoặc chứng thực của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định của pháp luật công chứng*”.

Khoản 2 Điều 124 Bộ Luật Dân sự 2005 quy định: “2. *Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản, phải có công chứng hoặc chứng thực, phải đăng ký hoặc xin phép thì phải tuân theo quy định đó*”.

Xét Giấy bán xe ngày 26/12/2015 giữa ông D và ông V không được công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký người bán nên việc chuyển nhượng giữa ông D và ông V chưa đảm bảo điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự mà Khoản 2 Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005 quy định.

Sau khi ông D đã hoàn tất thủ tục chuyển tên chủ sở hữu từ ông Võ Văn Sơ sang tên ông D nhưng giữa ông V và ông D vẫn không thực hiện việc công chứng, chứng thực đối với giao dịch mua bán xe.

Xét lời khai của ông V trong quá trình giải quyết vụ án là do ông không được bàn giao chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z-1036 nên ông không muốn tiếp tục giao dịch mua bán chiếc xe nêu trên và cũng không yêu cầu Tòa án buộc ông D ra cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc công chứng, chứng thực hợp đồng mua bán xe giữa ông và ông D.

Xét lời khai của ông D thì ông xác định giữa ông và ông V đã có việc đổi từ chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z-1036 sang chiếc xe Fiat biển số 51A-662.42 từ tháng 8/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không yêu cầu tiếp tục việc hoàn thiện về mặt hình thức đối với hợp đồng mua bán chiếc xe Dawoo Matiz biển số 52Z-1036 giữa ông và ông V mà đồng ý trả tiền cho ông V sau khi đã cản trừ các chi phí gửi giữ và sửa chữa hai chiếc xe: Dawoo Matiz biển số 52Z-1036 và Fiat biển số 51A-662.42. Các chi phí cản trừ mà ông D yêu cầu nhưng không có tài liệu chứng cứ và không có đơn yêu cầu phản tố, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Như vậy, tại thời điểm ký Giấy bán xe ông D và ông V đều biết được việc mua bán không thể công chứng, chứng thực do ông D chưa đứng tên chủ sở hữu trên giấy tờ và ông V cũng biết việc này. Sau khi ông D hoàn tất thủ tục để hai bên có thể ký hợp đồng mua bán xe được công chứng, chứng thực nhưng cả hai đều không muốn tiếp tục thực hiện, do đó giao dịch mua bán xe không thể thực hiện. Từ đó, việc hợp đồng mua bán xe vô hiệu do không đảm bảo về mặt hình thức là do lỗi của cả nguyên đơn và bị đơn.

Về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Như đã nhận định, để thực hiện thỏa thuận mua bán xe, ông V đã giao cho ông D số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Căn cứ Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005, khi giao dịch vô hiệu thì ông D có trách nhiệm hoàn trả cho ông V số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là vô hiệu và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết hợp đồng mua bán xe do đó việc nguyên đơn yêu cầu được nhận lại số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 208, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 122, khoản 2 Điều 124, Điều 134 và Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Thông tư 15/2014/TT-BCA ngày 4/4/2014 của Bộ Công an.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Linh Ngọc V.

1.1 Tuyên bố giao dịch mua bán xe ghi nhận tại Giấy bán xe ngày 26/12/2015 giữa ông Linh Ngọc V và ông Lê Hữu D là vô hiệu.

1.2 Ông Lê Hữu D có trách nhiệm trả lại cho ông Linh Ngọc V số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng). Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn thi hành án của ông Linh Ngọc V cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Hữu D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Lê Hữu D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Linh Ngọc V số tiền án phí đã tạm nộp là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai số AC/2014/0003614 ngày 07/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Linh Ngọc V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Hữu D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Đường sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Nam Phương